

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 47, 20 – 24/11/2023

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

“Bất ngờ giảm điểm tại phiên ATC”

Tiêu điểm nổi bật:

- VinFast cho biết luôn hướng tới việc công bố thông tin minh bạch tới nhà đầu tư tại thị trường. VinFast vẫn đang "hoạt động hoàn toàn bình thường tại Mỹ", bà Lâm cho biết.
- Cơ quan điều tra công bố số tiền bà Trương Mỹ Lan chiếm đoạt là 545 nghìn tỷ đồng từ ngân hàng SCB. Dù không nắm giữ chức vụ nào tại SCB, nhưng quyền hạn của bà là rất lớn khi số cổ phần bà gián tiếp nắm giữ tại SCB lên tới 91.5%.
- Chỉ số USD Index đã suy yếu đáng kể, giảm hơn 2% kể từ tháng 7/2023 khiến áp lực tỷ giá USD/VND với bất 2% kể từ tháng 7/2023 khiến áp lực tỷ giá USD/VND với bất.

Đánh giá: Tương chừng thông tin làm rõ của Vinfast sẽ giúp củng cố cho đà tăng của thị trường khi ngay từ đầu tuần VNINDEX đã có nhịp tăng từ 1080. Tuy nhiên điều bất ngờ đã xuất hiện trong phiên thứ 5 khi lực bán xuất hiện từ sau 2h và tiếp tục bán mạnh trong phiên ATC. Qua phiên thứ 6, VNINDEX tiếp tục giảm mạnh trong phiên sáng và hình thành cây nến rút chân mạnh trong phiên chiều. Có thể thấy, diễn biến của tuần này khá giống với tuần trước khi lực bán hay xuất hiện ở những phiên ATC khiến nhà đầu tư không kịp trở tay. Nguyên nhân có thể đến từ thông tin điều tra bà Trương Mỹ Lan phần nào làm cho tâm lý thị trường tiêu cực hơn. Ngoài ra, việc thị trường giao dịch T+2.5 cũng đã góp phần làm cho lượng cung hàng ở phiên chiều gia tăng đáng kể.

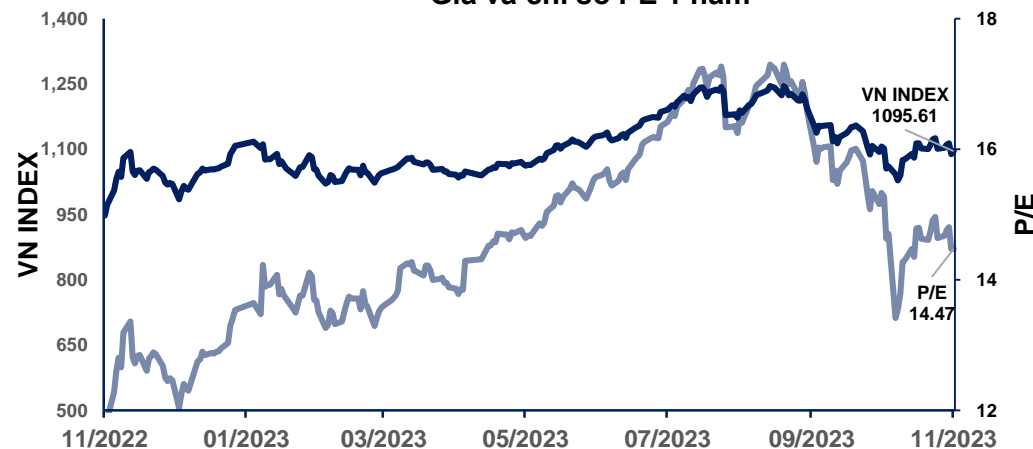
Góc nhìn kĩ thuật: VNINDEX đóng cửa tại 1095.6 điểm (-5.58 điểm, -0.51%) trên đồ thị tuần với thanh khoản tương đối. Nhìn ở biểu đồ ngày, thị trường có diễn biến khá giống với tuần trước khi đầu tuần tăng, và cuối tuần giảm mạnh xóa hết nỗ lực tăng điểm trước đó. Các chỉ báo động lượng giá đều cho thấy tín hiệu suy yếu, khi chỉ số giá cứ đến gần EMA 200 thì lực bán lại xuất hiện. Và lực cầu chỉ tham gia ở vùng giá rất thấp ở dưới, tạo ra sự giằng co khó lường trong 2 tuần qua.

Ý tưởng đầu tư: Nhìn chung, cơ hội giao dịch ngắn hạn vẫn có nhưng xác suất thành công sẽ thấp khi thị trường vẫn chưa thể vượt thoát hoàn toàn MA 50 và MA 200. Hỗ trợ và kháng cự tham chiếu hiện tại là 1080 – 1120.

Tên chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi					Xu hướng	Định giá		
		1W	1M	3M	YTD	P/E		P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)	
VN-Index	1,096	-0.5	-0.9	-7.9	8.8		14.5	1.6	181	
Upcom Index	85	-1.2	-0.6	-6.5	18.6		12.6	1.3	43	
HNX Index	226	-0.2	-1.2	-7.0	10.1		22.2	1.2	12	
VN30 Index	1,087	-1.5	-2.7	-9.5	8.2		11.2	1.5	127	
S&P 500 Index	4,557	0.9	8.1	2.7	18.7		21.8	4.3	39,697	
STOXX Europe 600 Index	459	0.7	5.5	1.6	8.0		13.1	1.7	13,420	
Hang Seng	17,559	0.6	3.3	-3.6	-11.2		9.9	1.0	2,635	
Nikkei 225	33,626	0.1	8.5	5.0	28.9		27.5	1.9	4,083	
SHCOMP Index	3,041	-0.4	2.7	-1.3	-1.6		14.0	1.3	6,431	
STI Index	3,095	-1.0	0.4	-2.7	-4.8		11.1	1.1	359	
KOSPI Index	2,497	1.1	4.7	-1.6	11.6		17.4	0.9	1,487	

Nguồn: Bloomberg

Giá và chỉ số PE 1 năm



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

[Chuyên viên phân tích] Hoàng Nam

(84-28) 6299 4232

nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất



Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT

Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa				% Thay đổi GTGD			% Tỷ trọng GTGD		Định giá		Vốn hóa (Tỷ VND)
	1W	1M	YTD	1W	1M	3M	Current	Change	P/E	P/B	
Large Cap	-0.6	-1.2	8.8	-0.8	14.9	2.0	74.5	-2.2	12.7	1.6	3,834,757
▶ Mid Cap	0.1	1.5	21.4	13.2	39.8	13.4	24.2	2.3	24.1	1.2	504,074
Small Cap	-0.6	-1.4	7.6	-4.6	9.7	-42.8	1.4	-0.1	-96.8	0.7	70,437

Theo ngành

Tên ngành				% Thay đổi GTGD			% Tỷ trọng GTGD		Định giá		Vốn hóa (Tỷ VND)
	1W	1M	YTD	1W	1M	3M	Current	Change	P/E	P/B	
▶ Tài chính	3.1	8.0	85.4	16.1	31.1	14.6	20.0	2.4	26.8	1.6	173,635
Du lịch và Giải trí	1.3	1.2	-9.0	-5.1	-2.1	-12.7	0.6	0.0	n.a	12.5	92,392
▶ Truyền thông	1.3	-2.1	108.4	25.9	-6.7	80.2	0.0	0.0	40.9	1.0	1,836
▶ Hóa chất	0.7	-1.4	30.2	8.1	2.5	-23.4	3.7	0.2	16.1	1.4	170,430
▶ Công nghệ Thông tin	0.5	-0.3	35.0	9.4	9.3	-4.0	1.5	0.1	20.3	3.2	130,105
▶ Hàng cá nhân & Gia dụng	0.4	3.8	-1.0	35.2	41.1	4.4	0.8	0.2	13.8	1.6	51,329
▶ Dầu khí	0.4	-5.0	14.4	10.7	4.7	-1.8	1.0	0.1	17.4	2.0	57,447
▶ Xây dựng và vật liệu	-0.1	4.2	37.6	10.8	26.8	-1.1	7.1	0.5	60.0	1.2	120,132
Bất động sản	-0.5	-3.7	-6.0	9.2	32.6	14.6	27.3	1.8	12.9	1.1	705,563
Tài nguyên cơ bản	-0.6	8.9	43.1	-8.9	23.6	14.6	8.6	-1.1	n.a	1.4	200,434
Ngân hàng	-0.6	-0.2	20.3	-20.3	-3.8	-14.7	12.4	-3.5	8.8	1.5	1,636,333
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	-0.6	0.3	22.0	12.7	29.1	3.9	5.9	0.5	12.4	1.2	126,293
Bảo hiểm	-1.1	-0.6	-9.6	-41.4	-21.2	-41.3	0.1	-0.1	14.1	1.3	41,104
Tiện ích	-1.2	-3.2	-1.9	-24.9	-5.6	-27.7	0.8	-0.3	13.5	1.9	298,468
Ô tô & Phụ tùng	-1.5	-2.2	2.1	17.6	30.0	-26.9	0.2	0.0	6.9	1.0	13,660
Dược và Y tế	-1.5	-5.9	10.8	2.3	1.3	-24.0	0.1	0.0	13.2	1.9	33,756
Thực phẩm và đồ uống	-1.7	-4.2	-16.3	-3.8	23.1	7.4	6.7	-0.4	26.3	2.3	414,200
Bán lẻ	-4.7	-6.9	2.7	-11.1	-14.2	-16.3	3.0	-0.5	69.9	2.6	85,472

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	3,571	-9.1	16.4	-43.3	78.6
Nước ngoài	2,515	-4.2	39.7	12.2	179.1
VanEck Vectors Vietnam ETF	559	-5.4	-5.4	-15.8	76.7
Fubon FTSE Vietnam ETF	800	-2.4	31.1	22.5	48.4
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	615	0.0	7.9	-17.5	8.4
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	338	0.0	2.4	8.0	66.8
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	174	3.9	3.9	15.3	-19.9
Premia MSCI Vietnam ETF	15	-0.3	-0.3	-0.3	-0.9
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	4	0.0	0.0	0.0	-0.4
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	1,057	-5.0	-23.3	-55.5	-100.5
DCVFMVN Diamond ETF	581	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	305	0.2	6.7	-2.8	-43.0
SSIAM VNFIN LEAD ETF	130	-5.2	-31.0	-53.6	-58.2
MAFN VN30 ETF	26	0.0	0.0	-0.3	-1.0
SSIAM VNX50 ETF	6	0.0	0.2	0.3	-0.1
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	5	0.0	0.8	0.9	1.8

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:

- WTD: từ đầu tuần
- MTD: từ đầu tháng
- QTD: từ đầu quý
- YTD: từ đầu năm

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	6,252	-41,410	6,779
Ấn độ	-254	-75	-2,731	12,027
Indonesia	19	-116	-612	-922
Nhật Bản*	1,911	6,572	26,117	37,256
Maylaysia	75	296	-164	-606
Philippines	18	9	-162	-891
Hàn Quốc	511	2,883	385	6,694
Sri Lanka	0	2	3	13
Đài Loan	1,567	7,135	2,178	346
Thái Lan	-146	-355	-785	-5,312
Việt Nam	-52	-127	-192	-458

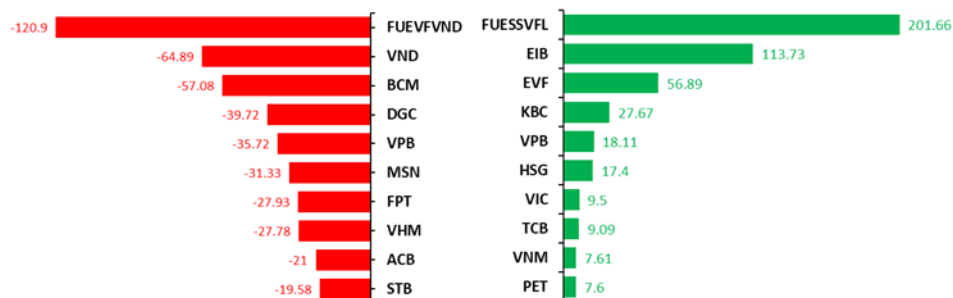
*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

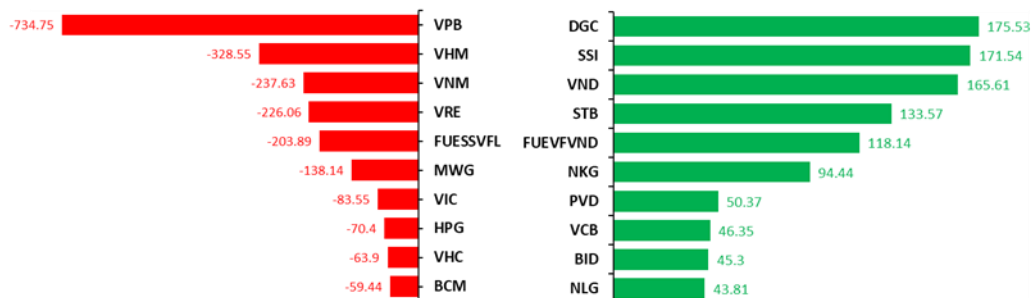
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	-105	-712	769	-57
Tài nguyên Cơ bản	15	22	41	-63
Truyền thông	0	-1	1	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-32	33	13	-45
Y tế	0	-1	5	-3
Hóa chất	-54	122	-161	39
Dịch vụ tài chính	43	192	-332	140
Du lịch và Giải trí	-1	6	2	-7
Ngân hàng	4	-532	823	-291
Xây dựng và Vật liệu	-23	-32	106	-74
Thực phẩm và đồ uống	-21	-281	270	11
Bán lẻ	-7	-127	99	28
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1	-65	55	10
Hàng cá nhân & Gia dụng	-7	4	-33	29
Công nghệ Thông tin	-28	10	-17	7
Ô tô và phụ tùng	1	2	-10	9
Bảo hiểm	0	-4	2	2
Dầu khí	3	54	-65	11
Tổng	-208	-1,310	1,565	-255

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

WEEKLY SNAPSHOT

Top cổ phiếu đáng chú ý

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	SCD	Thực phẩm và đồ uống	13.15 - 21.95	14.2	-13.19%
2	TMS	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	34.69 - 47.40	39.8	-9.56%
3	PJT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	8.10 - 11.75	9.6	-9.15%
4	APC	Y tế	8.37 - 15.50	9.1	-9.00%
5	SMA	Sản xuất nông nghiệp	6.43 - 10.20	8.8	-7.59%

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
33.82%	45.5	20.85 - 47.00	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	CLW
14.24%	6.8	3.11 - 8.09	Xây dựng và Vật liệu	CIG
14.23%	8.1	6.40 - 11.90	Xây dựng và Vật liệu	HBC
14.04%	10.4	7.15 - 10.45	Thực phẩm và đồ uống	HAG
12.10%	8.1	7.19 - 11.75	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	SRF

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	L43	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	3.20 - 7.70	3.9	-25.00%
2	BXH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	9.90 - 19.80	15.0	-24.24%
3	VNT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	44.00 - 83.40	52.7	-18.80%
4	BTW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	24.30 - 42.30	32.5	-18.55%
5	DAE	Truyền thông	12.68 - 20.93	14.6	-16.57%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
55.07%	10.7	5.80 - 12.70	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	NAP
28.57%	4.5	2.80 - 5.00	Xây dựng và Vật liệu	MCO
25.64%	4.9	3.00 - 5.00	Xây dựng và Vật liệu	TXM
25.35%	17.8	10.90 - 22.40	Truyền thông	BST
19.15%	11.2	4.60 - 15.30	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	HCT

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	XDC	Xây dựng và Vật liệu	13.50 - 999.90	135.9	-27.71%
2	TTD	Y tế	50.10 - 90.00	61.8	-27.29%
3	VMT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	23.20 - 51.80	24.3	-27.03%
4	SDY	Xây dựng và Vật liệu	1.40 - 4.70	1.4	-26.32%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	4.40 - 19.20	9.0	-25.62%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
40.00%	0.7	0.50 - 1.00	Thực phẩm và đồ uống	CAD
37.61%	78.3	34.60 - 89.90	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VFC
31.72%	29.9	16.30 - 29.90	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	NSL
31.37%	13.4	7.50 - 24.00	Du lịch và Giải trí	BTV
30.54%	26.5	15.00 - 55.20	Du lịch và Giải trí	TSJ

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá (nghìn VND)	Giá cổ phiếu	
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W		Biến động 52 tuần	%1W
1	TCL	Tan Cang Logistics	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1,486.6	214.6	36.6	28.05 - 40.30	-1.2
2	ELC	ELCOM	Công nghệ Thông tin	19,307.3	140.6	25.8	7.35 - 27.70	3.2
3	HBC	Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	Xây dựng và Vật liệu	14,505.4	86.2	8.1	6.40 - 11.90	14.2
4	TDP	Công ty Thuận Đức	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	6,094.5	80.4	29.7	23.52 - 34.80	-3.7
5	EVF	Tài chính Điện lực	Dịch vụ tài chính	142,730.9	65.5	15.9	5.79 - 16.80	5.0
6	TIP	PT KCN Tín Nghĩa	Bất động sản	10,480.9	64.1	24.8	15.00 - 26.50	4.2
7	SHI	SONHA CORP	Tài nguyên Cơ bản	5,126.8	61.5	13.8	12.40 - 16.75	-0.4
8	FMC	Thực phẩm Sao Ta	Thực phẩm và đồ uống	1,412.7	61.5	46.3	31.20 - 53.50	3.2
9	CTR	Công trình Viettel	Xây dựng và Vật liệu	46,793.1	55.6	88.0	42.50 - 89.40	2.0
10	PNJ	Vàng Phú Nhuận	Hàng cá nhân & Gia dụng	67,877.0	54.9	80.4	70.10 - 95.10	1.9

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

WEEKLY SNAPSHOT

Những dữ liệu vĩ mô khác

Tỷ giá

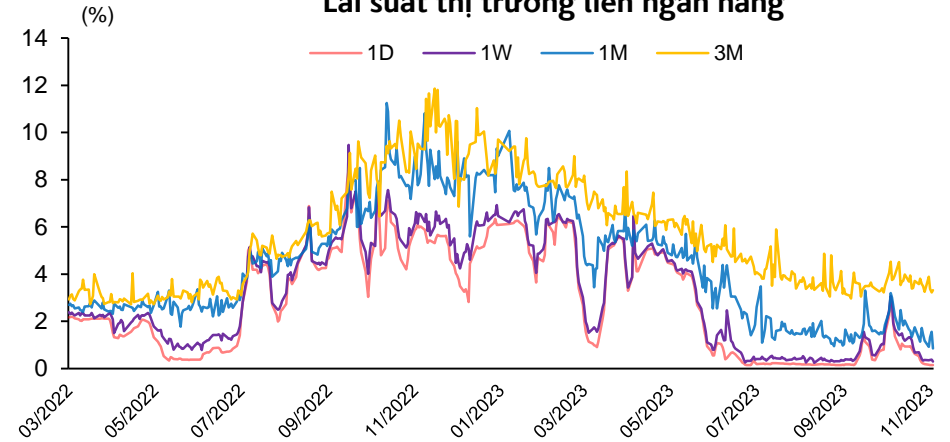
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dollar index	103.71	-0.61	-2.41	-0.26	0.19	
VND/USD	24,270	0.00	-1.18	1.09	2.70	
KRW/USD	1,306.30	0.74	-2.74	-1.21	3.22	
JPY/USD	149.58	-0.03	-0.22	2.57	14.08	
EUR/USD	0.92	0.07	-2.91	-0.89	-1.85	
SGD/USD	1.34	-0.16	-1.98	-1.12	0.14	
CNY/USD	7.15	-0.83	-2.14	-1.72	3.71	

Hàng hóa

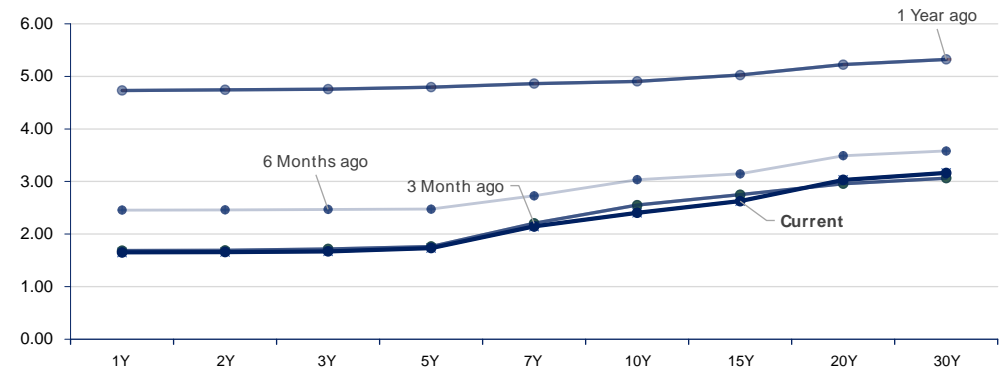
	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dầu thô	76.71	5.23	-8.40	-2.96	-4.42	
Xăng	221.57	5.45	-2.29	-20.30	-9.91	
Gas	2.87	-6.14	-3.26	14.09	-35.78	
Than	122.15	-0.77	-11.71	-18.57	-69.78	
Vàng	1,995.18	0.72	1.23	4.08	9.38	
Bạc	23.70	-0.07	3.43	-1.74	-1.05	
Platinum	920.13	1.93	3.35	-1.92	-14.35	
Quặng sắt	129.84	0.46	9.43	21.61	16.68	
Thép cán	3,999.00	0.08	6.05	1.21	-3.57	
Lúa mì	555.75	-0.85	-5.16	-7.64	-29.83	
Ngô	468.75	-0.42	-5.40	0.48	-30.91	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.65	1.66	1.67	1.73	2.15	2.41	2.63	2.75	3.15
Thay đổi (BPS)*	-5.70	-6.30	-6.40	-5.20	0.10	-11.30	-7.00	-4.50	-3.60

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam



Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo Tuân thủ

- ♦ Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- ♦ Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- ♦ Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- ♦ Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- ♦ Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- ♦ Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- ♦ Bản quyền © 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.